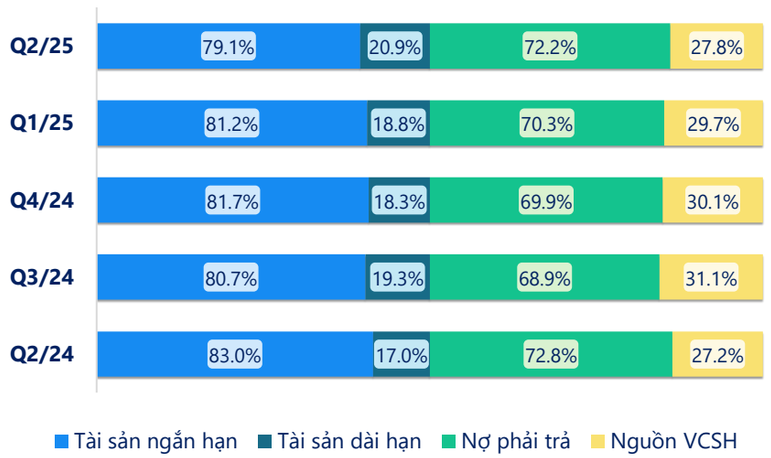
FireAnt

# CTCP Sông Đà 5 (HNX: SD5)

| Thông tin giao dịch | 30/06/2025 |
|---|---|
| Giá hiện tại (VNĐ) | 8,800 |
| Cao nhất 52 tuần (VNĐ) | 9,263 |
| Thấp nhất 52 tuần (VNĐ) | 6,947 |
| SL cổ phiếu LH | 25,999,848 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 6,340 |
| % sở hữu nước ngoài | 2.8% |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ) | |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 229 |
| P/E | 8.6 |
| EPS | 1,028 |

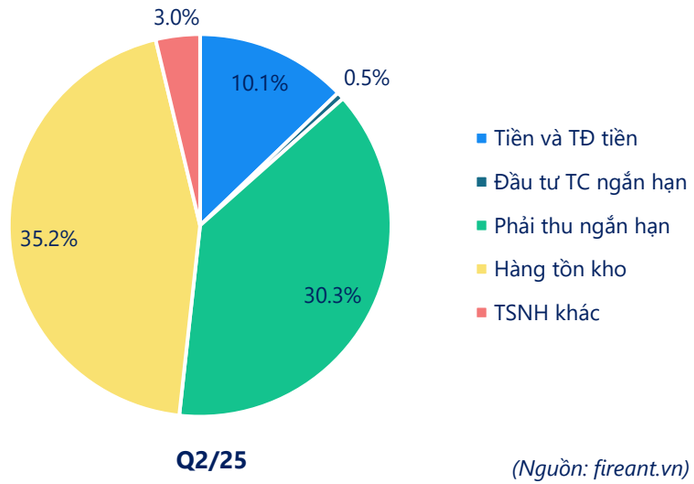
| | YTD | 1T | 3T | 6T |
|---|---|---|---|---|
| SD5 | 21.8% | 0.0% | 7.3% | 20.3% |
| VNINDEX | 8.4% | 2.1% | 5.3% | 8.0% |

## Cơ cấu Tổng tài sản



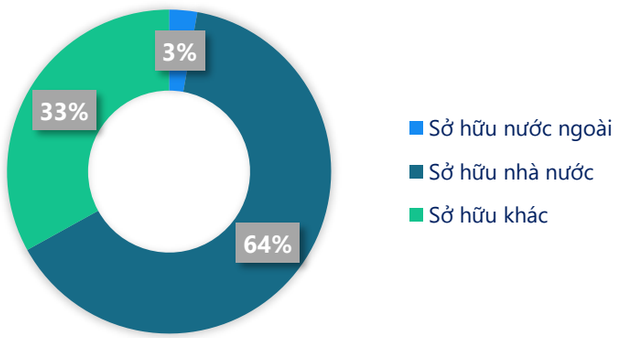

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



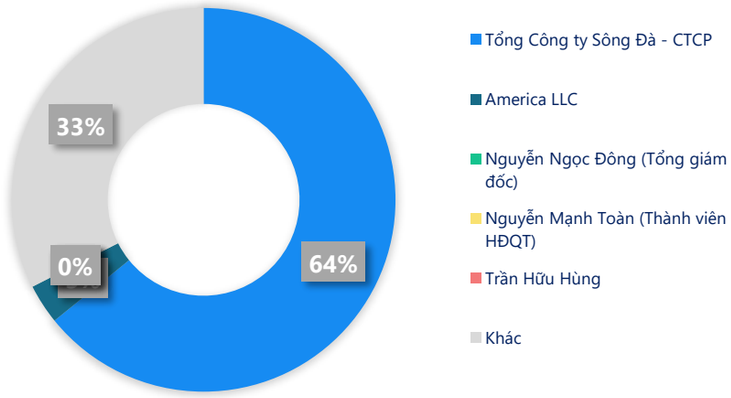

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu sở hữu



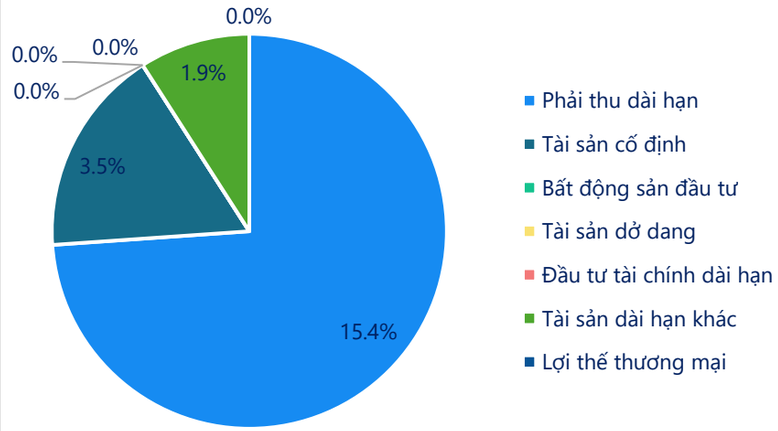

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu cổ đông




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

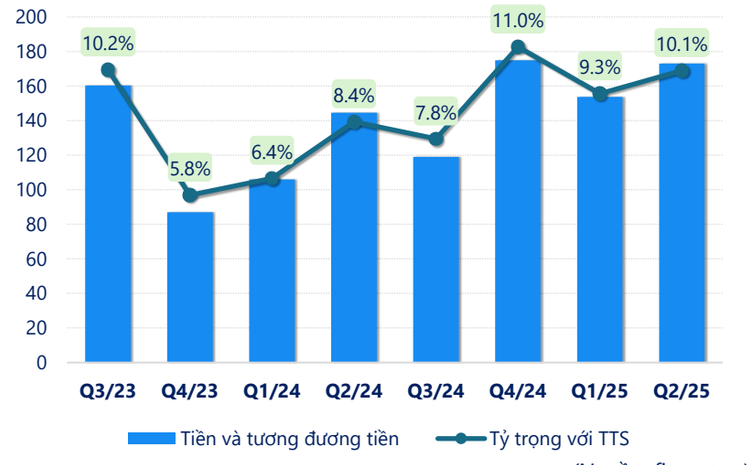



*(Nguồn: fireant.vn)*

Powered by Infographic

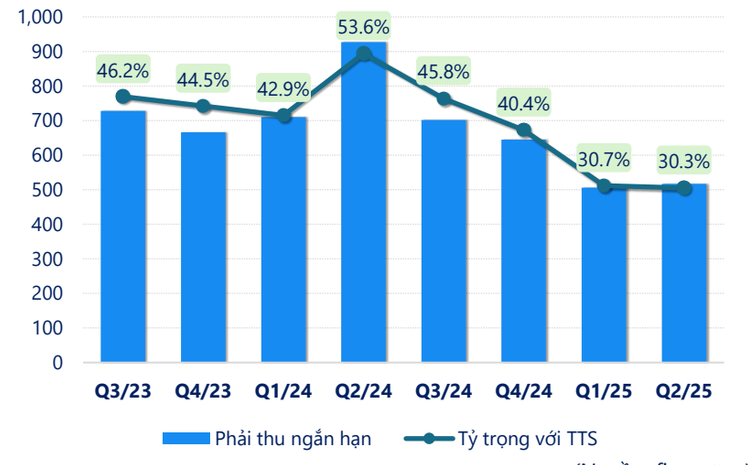
# CTCP Sông Đà 5 (HNX: SD5)

## Tiền và tương đương tiền



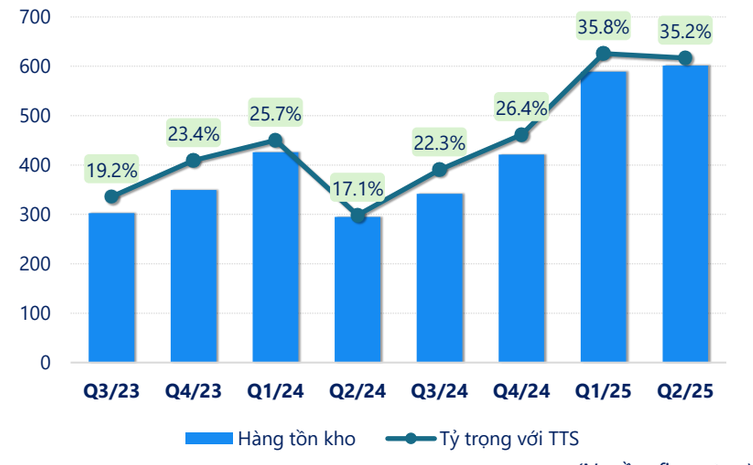

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Phải thu ngắn hạn



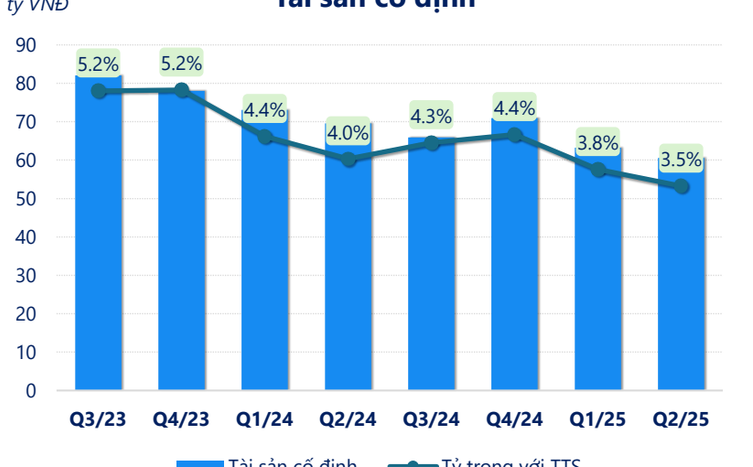

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Hàng tồn kho



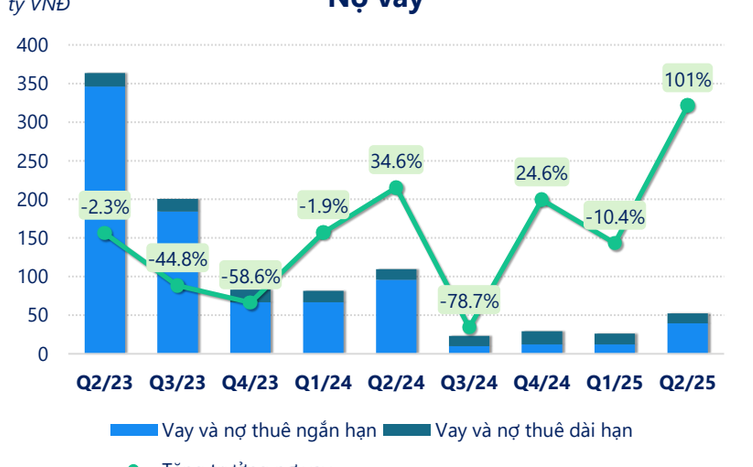

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tài sản cố định



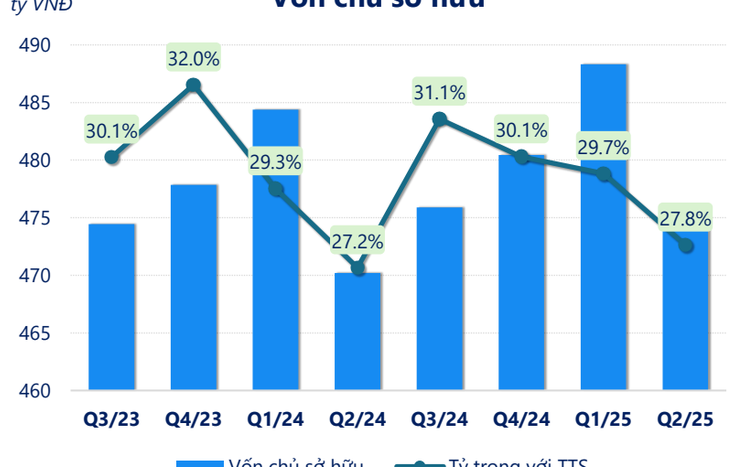

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Nợ vay




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vốn chủ sở hữu



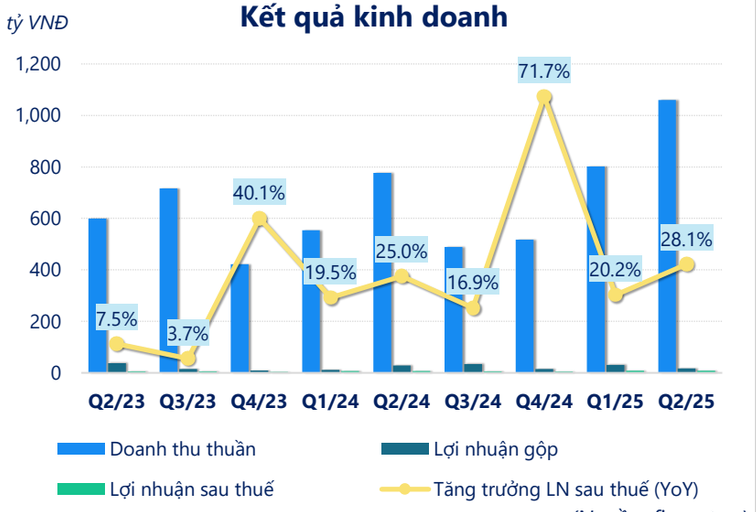

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

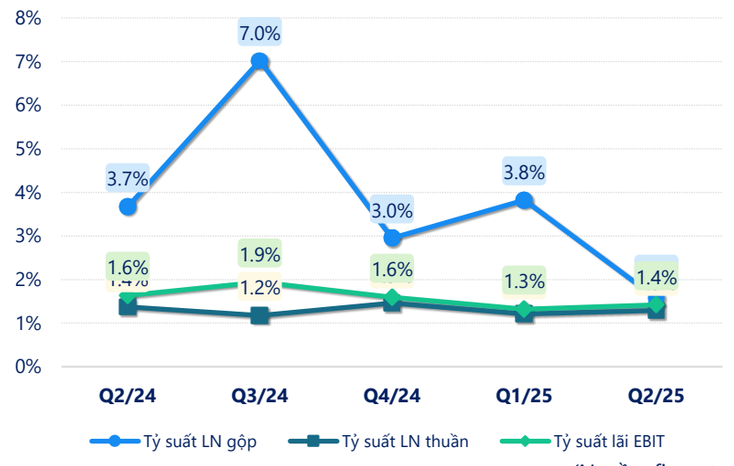
# CTCP Sông Đà 5 (HNX: SD5)

## Kết quả kinh doanh



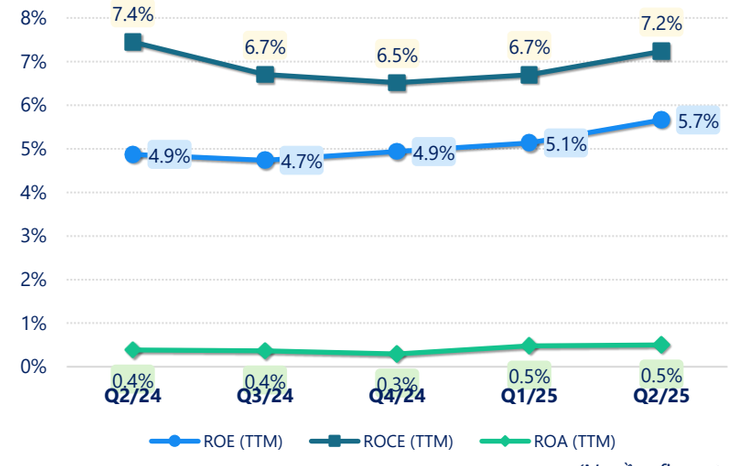

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất lợi nhuận



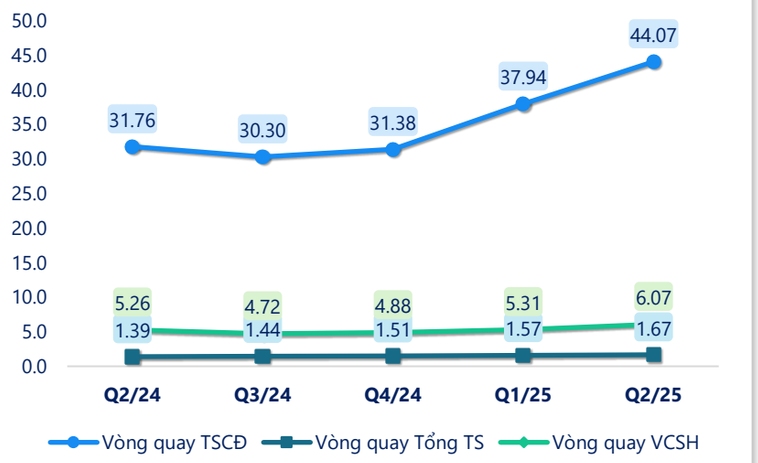

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi



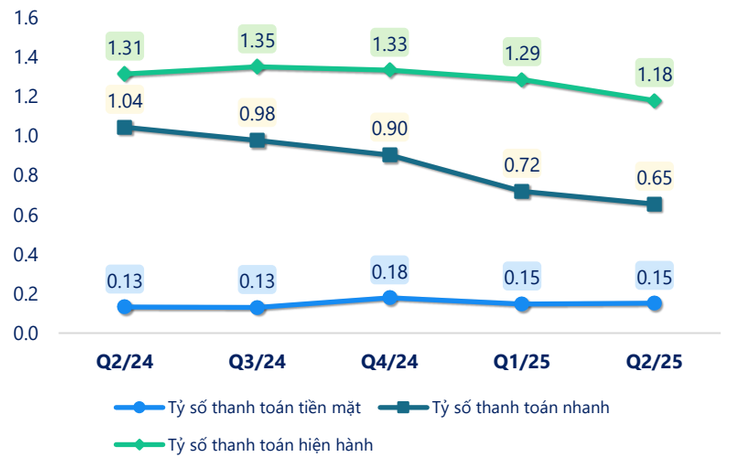

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản



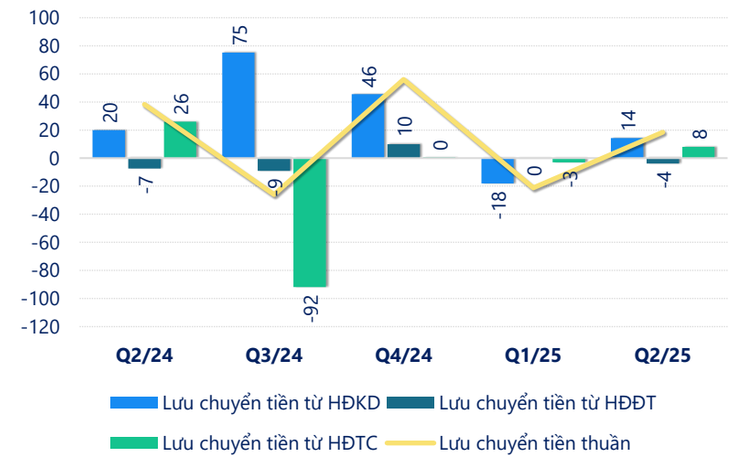

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Lưu chuyển tiền




*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

# CTCP Sông Đà 5 (HNX: SD5)

| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)* | Tại ngày 30/6/2025 | Tại ngày 31/12/2024 | Thay đổi |
|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **1,707** | **1,597** | **6.9%** |
| **Tài sản ngắn hạn** | 1,351 | 1,305 | 3.5% |
| Tiền và tương đương tiền | 173 | 175 | -1.1% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 8.51 | 0 | |
| Phải thu ngắn hạn | 517 | 645 | -19.7% |
| Hàng tồn kho | 601 | 421 | 42.7% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 50.5 | 63.8 | -20.9% |
| **Tài sản dài hạn** | **356** | **292** | **21.9%** |
| Phải thu dài hạn | 263 | 182 | 44.3% |
| Tài sản cố định | 60.6 | 71.0 | -14.6% |
| Bất động sản đầu tư | 0 | 0 | |
| Tài sản dở dang | 0 | 1.75 | -100% |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 0 | 0 | |
| Tài sản dài hạn khác | **32.3** | **37.1** | **-12.9%** |
| Lợi thế thương mại | 0 | 0 | |
| **Nợ phải trả** | 1,232 | 1,116 | 10.4% |
| **Nợ ngắn hạn** | **1,145** | **978** | **17.0%** |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn | 39.4 | 12.0 | 227% |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 341 | 166 | 106% |
| **Nợ dài hạn** | 87.6 | 138 | -36.6% |
| Vay và nợ thuê dài hạn | 12.9 | 17.0 | -24.3% |
| **Nguồn vốn chủ sở hữu** | **474** | **480** | **-1.3%** |
| **Vốn chủ sở hữu** | **474** | **480** | **-1.3%** |
| Vốn điều lệ | 260 | 260 | 0.0% |
| **Kinh phí và quỹ khác** | **0** | **0** | |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)* | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 | Q2/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | 777 | 489 | 517 | 802 | 1,060 |
| Giá vốn hàng bán | 749 | 455 | 502 | 771 | 1,044 |
| **Lợi nhuận gộp** | 28.5 | 34.3 | 15.3 | 30.7 | 16.6 |
| Doanh thu HĐTC | 45.7 | 45.0 | 59.5 | 61.1 | 113 |
| Chi phí TC | 39.5 | 64.4 | 37.2 | 49.3 | 81.5 |
| **Chi phí lãi vay** | 1.71 | 0.79 | 0.44 | 0.75 | 1.12 |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí QLDN | 24.0 | 9.15 | 30.0 | 32.8 | 34.3 |
| **LN thuần từ HĐKD** | 10.7 | 5.75 | 7.55 | 9.70 | 13.7 |
| Lợi nhuận khác | 0.33 | 2.96 | 0.24 | 0.14 | 0.25 |
| **LN trước thuế** | 11.0 | 8.71 | 7.79 | 9.84 | 13.9 |
| **Lợi nhuận sau thuế** | 6.85 | 5.69 | 4.55 | 7.87 | 8.61 |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | 6.85 | 5.69 | 4.55 | 7.87 | 8.61 |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)* | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 | Q2/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD | 19.8 | 75.1 | 45.6 | -18.1 | 14.2 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT | -7.42 | -9.13 | 9.98 | -0.15 | -3.76 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC | 25.9 | -91.9 | 0.48 | -3.03 | 8.05 |
| Tiền đầu kỳ | 106 | 145 | 119 | 175 | 154 |
| **Lưu chuyển tiền thuần** | **38.3** | **-25.9** | **56.0** | **-21.3** | **18.5** |
| Ảnh hưởng tỷ giá | 0.22 | 0.37 | -0.01 | 0.00 | 0.83 |
| Tiền cuối kỳ | 145 | 119 | 175 | 154 | 173 |

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic